

Số: /QĐ-UBND

Thuận Nam, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn huyện

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền huyện hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền huyện hữu toàn dân;

Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của HĐND quy định phân cấp quản lý tài sản công của tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 68/2018/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND tỉnh Quy định phân cấp quản lý tài sản công của tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 79/2018/QĐ-UBND ngày 01/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ Quyết định số 64/2019/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Ninh Thuận.

Theo Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân huyện Thuận Nam;

Theo đề nghị của Phòng Tài chính – Kế hoạch tại Tờ trình số 273 /TTr-TCKH ngày 26 tháng 8 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của huyện Thuận Nam, gồm 3 Chương, 18 Điều.

Điều 2. Giao phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc huyện, Ủy ban nhân dân các xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện các nội dung Quy chế kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Cấp ủy và Chính quyền huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (b/cáo);
- Sở Tài chính (b/cáo);
- TT: Huyện ủy, HĐND huyện (b/cáo);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trương Xuân Vỹ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY CHẾ
VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA HUYỆN THUẬN NAM**
(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND huyện)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về việc quản lý sử dụng tài sản công bao gồm: thẩm quyền, trình tự, thủ tục: Mua sắm tài sản, thuê, xử lý tài sản công và thẩm quyền ban hành danh mục, tiêu chuẩn máy móc, thiết bị chuyên dùng; sử dụng tiền thu được từ xử lý tài sản công tại cơ quan, đơn vị, tổ chức, Ủy ban nhân dân các xã và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của huyện Thuận Nam.

2. Việc quản lý tài sản công không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện;
2. Ủy ban nhân dân các xã;
3. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện;
4. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội thuộc huyện.

5. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của huyện Thuận Nam.

(Các đối tượng nêu trên sau đây gọi là cơ quan, đơn vị, tổ chức)

Điều 3. Tài sản công gồm

1. Nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;
2. Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;
3. Xe ô tô và phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị;

4. Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;
5. Tài sản khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý tài sản công

1. Tất cả tài sản công đều phải được Nhà nước giao quyền quản lý, quyền sử dụng và các hình thức trao quyền khác cho cơ quan, đơn vị, tổ chức và đối tượng khác theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

2. Tài sản công do Nhà nước đầu tư phải được quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, được thống kê, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị, những tài sản có nguy cơ chịu rủi ro cao do thiên tai, hỏa hoạn và nguyên nhân bất khả kháng khác được quản lý rủi ro về tài chính thông qua bảo hiểm hoặc công cụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Tài sản công là tài nguyên phải được kiểm kê, thống kê về hiện vật, ghi nhận thông tin phù hợp với tính chất, đặc điểm của tài sản; được quản lý, bảo vệ, khai thác theo quy hoạch, kế hoạch, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng pháp luật.

4. Tài sản công phục vụ công tác quản lý, cung cấp dịch vụ công, bảo đảm quốc phòng, an ninh của cơ quan, đơn vị, tổ chức phải được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, công năng, đối tượng, tiêu chuẩn, định mức, chế độ theo quy định của pháp luật.

5. Việc khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công phải tuân theo cơ chế thị trường, có hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng pháp luật.

6. Việc quản lý, sử dụng tài sản công phải được thực hiện công khai, minh bạch, bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng.

7. Việc quản lý, sử dụng tài sản công được giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; mọi hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về quản lý nhà nước đối với tài sản công

1. Ủy ban nhân dân huyện thống nhất quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương; thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ theo Điều 18 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Quyết định số 68/2018/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh, ban hành quy định phân cấp, quản lý tài sản công của tỉnh Ninh Thuận.

2. Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện có nhiệm vụ tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước đối với tài sản công theo quy định tại Điều 18 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; trực tiếp quản lý, xử lý đối với một số loại tài sản công thuộc cấp huyện quản lý theo quy định của pháp luật;

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc huyện thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại quyết định này và theo quy định của pháp luật có liên quan; thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân huyện.

Chương II

THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC QUYẾT ĐỊNH MUA SẮM, THUÊ, XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC; PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 6. Mua sắm tài sản công

1. Thẩm quyền mua sắm:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định mua sắm các loại tài sản:

- Tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng (năm trăm triệu đồng)/01 đơn vị tài sản (*trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định 68/2018/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh*);

- Một lô tài sản, hàng hóa, dịch vụ (một gói thầu) có giá trị dưới 01 tỷ đồng nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị, tổ chức.

b) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng (một trăm triệu đồng) (*trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định 68/2018/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh*).

2. Trình tự, thủ tục mua sắm tài sản công:

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện trình tự, thủ tục mua sắm tài sản công theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 4 Quy định này có trách nhiệm có ý kiến về sự cần thiết, sự phù hợp của việc mua sắm tài sản đúng với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản theo thẩm quyền.

- Trường hợp mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung thực hiện theo quy định tại Chương VI, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

3. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 5 Quyết định số 68/2018/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh

4. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức mua sắm tài sản công tại Điều này lập thủ tục, tổ chức mua sắm theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 7. Thuê tài sản phục vụ hoạt động

1. Thẩm quyền:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định thuê trụ sở làm việc có giá trị thuê dưới 200 triệu đồng (hai trăm triệu đồng)/năm.

- Thuê tài sản khác phục vụ hoạt động của cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp do đơn vị tự thực hiện theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu nhiệm vụ và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trình tự, thủ tục thuê tài sản công thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 4 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP. Cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 4 Quy định này có trách nhiệm có ý kiến về sự cần thiết, sự phù hợp của đề nghị thuê tài sản với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê tài sản theo thẩm quyền.

3. Việc thuê dịch vụ xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ.

Điều 8. Thu hồi tài sản công

1. Thẩm quyền: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định thu hồi tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng (năm trăm triệu đồng)/01 đơn vị tài sản của các đơn vị trực thuộc, cấp xã (*trừ các loại tài sản quy định tại khoản 1 Điều 7 Quyết định 68/2018/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh*)

2. Trình tự, thủ tục: Thực hiện theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP. Cơ quan, đơn vị, tổ chức có tài sản bị thu hồi thực hiện bàn giao đầy đủ tài sản và hồ sơ có liên quan đến tài sản cho cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công, cụ thể như sau:

- Bàn giao cho Sở Tài chính đối với tài sản công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi;

- Bàn giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện đối với tài sản công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi;

- Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản công theo thẩm quyền. Đồng thời, tiếp nhận bàn giao tài sản thu hồi; đề xuất phương án xử lý tài sản công theo các hình thức quy định tại Khoản 4 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công trình cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 9. Điều chuyển tài sản công

1. Thẩm quyền:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản (trừ các loại tài sản quy định tại khoản 1 Điều 8 Quyết định 68/2018/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản:

- Giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp huyện;
- Từ các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện xuống các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp xã và ngược lại;
- Giữa UBND các xã.

b) Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng (một trăm triệu đồng)/đơn vị tài sản (trừ các loại tài sản quy định tại khoản 1 Điều 8 Quyết định số 68/2018/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh) giữa các đơn vị trực thuộc.

2. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản công thực hiện theo quy định tại Điều 21, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan, đơn vị, tổ chức có tài sản điều chuyển và cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản điều chuyển có trách nhiệm: Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản và lập thành biên bản theo Mẫu số 01/TSC-BBGN ban hành kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP; thực hiện hạch toán giảm, tăng tài sản theo chế độ kế toán hiện hành; thực hiện đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật, báo cáo kê khai biến động tăng, giảm tài sản theo mẫu biểu quy định tại Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (gọi tắt là Thông tư số 144/2017/TT-BTC), gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) xác nhận và gửi cho Sở Tài chính để cập nhật thông tin của tài sản vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo quy định tại Điều 126 và Điều 127, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Điều 10. Bán tài sản công

1. Thẩm quyền: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định bán tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng (năm trăm triệu đồng)/01 đơn vị tài sản (trừ các loại tài sản quy định tại khoản 1 Điều 9 Quyết định số 68/2018/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

2. Trình tự, thủ tục bán tài sản công thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Điều 11. Thanh lý tài sản công

1. Thẩm quyền:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định thanh lý các loại tài sản:

- Trụ sở làm việc, công trình xây dựng khác gắn liền với đất của cơ quan, đơn vị, tổ chức do cấp huyện quản lý;

- Các loại tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng (năm trăm triệu đồng)/01 đơn vị tài sản (*trừ xe ô tô và các loại phương tiện vận tải khác*).

b) Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng (một trăm triệu đồng)/01 đơn vị tài sản (*trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều 10 Quyết định 68/2018/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh*).

2. Trình tự thủ tục: Khi có tài sản công hết hạn sử dụng theo chế độ mà phải thanh lý; tài sản công chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không hiệu quả (*dự toán chi phí sửa chữa lớn hơn 30% nguyên giá tài sản*); nhà làm việc, công trình sự nghiệp hoặc tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng hoặc các trường hợp khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trình tự, thủ tục thanh lý thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP:

a) Thanh lý tài sản công theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ thực hiện theo Điều 30 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP;

b) Thanh lý tài sản công theo hình thức bán thực hiện theo Điều 31 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

- Nếu thuộc trường hợp bán theo hình thức đấu giá thực hiện theo quy định tại Điều 24; xử lý tài sản công trong trường hợp đấu giá không thành, thực hiện theo quy định tại Điều 25, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP;

- Nếu thuộc trường hợp bán theo hình thức niêm yết giá thực hiện theo quy định tại Điều 26, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và Điều 3, Điều 4, Điều 5 Thông tư số 144/2017/TT-BTC;

- Nếu thuộc trường hợp bán theo hình thức chỉ định thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

c) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao tổ chức bán tài sản công thành lập Hội đồng để xác định giá theo Điều 8 Thông tư số 144/2017/TT-BTC đối với các tài sản quy định tại Điểm a, Điểm b, khoản này hoặc thuê tổ chức có đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá để xác định giá làm căn cứ quyết định giá khởi điểm hoặc giá bán chỉ định, giá bán niêm yết.

Điều 12. Tiêu hủy tài sản công

Tài sản công bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan.

1. Thẩm quyền: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định tiêu hủy tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng (năm trăm triệu

đồng)/01 đơn vị tài sản (*trừ các loại tài sản quy định tại khoản 1 Điều 11 Quyết định 68/2018/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh*).

2. Trình tự, thủ tục tiêu hủy tài sản công thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Điều 13. Xử lý tài sản công bị mất, bị hủy hoại

1. Thẩm quyền : Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với các loại tài sản khác (*trừ các loại tài sản quy định tại khoản 1 Điều 12 Quyết định 68/2018/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh*) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý (*gồm cả cấp xã*).

2. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Điều 14. Thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng

Ủy ban nhân dân huyện, thành phố ban hành: tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng các cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc, cấp xã sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố.

Điều 15. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản công

1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản công tại cơ quan, đơn vị, tổ chức (*bao gồm cả tiền bồi thường tài sản, nếu có*) được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công (Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện) làm chủ tài khoản quản lý số tiền thu được từ xử lý tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện, cấp xã quyết định xử lý.

2. Tài khoản tạm giữ được theo dõi chi tiết đối với từng cơ quan có tài sản xử lý.

3. Người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản công có trách nhiệm lập, phê duyệt dự toán đối với các khoản chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản.

4. Nội dung chi phí liên quan xử lý tài sản công; mức chi; thời hạn thanh toán; hồ sơ đề nghị thanh toán; định kỳ nộp ngân sách Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

5. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập.

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thì việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản công thực hiện

theo quy định tại Khoản 1, Điều 55 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 6 Điều này;

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập còn lại, số tiền thu được từ xử lý tài sản công (*trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp khi thực hiện sắp xếp lại thực hiện theo quy định của Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công*), sau khi trừ đi các chi phí có liên quan, trả nợ vốn vay, vốn huy động (*nếu có*) và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được sử dụng phần còn lại để bổ sung quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

6. Việc quản lý, sử dụng tiền thu được từ xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp tại cơ quan, đơn vị, tổ chức khi thực hiện sắp xếp lại thực hiện theo quy định của Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch

1. Tổ chức triển khai, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp theo Quy định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, mua sắm, sử dụng tài sản công tại cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

3. Tổng hợp báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, công khai tài sản công, đăng nhập phần mềm về biến động tài sản theo quy định.

Điều 17. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản công

1. Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, đơn vị, tổ chức để thực hiện.

3. Sử dụng tài sản công đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

4. Thực hiện kê khai, đăng ký, công khai và báo cáo biến động tài sản theo quy định.

5. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

6. Có trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung được phân cấp tại Quy định này; những nội dung không điều chỉnh trong Quy định này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan.

7. Đối với tài sản công đã có quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện xử lý theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức phản ánh về Phòng Tài chính-Kế hoạch để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định./.